

MỘT SỐ KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ VẤN ĐỀ THỰC THI CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA TRUNG QUỐC THỜI HIỆN ĐẠI¹

TS. Trần Văn Hà
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Việc tìm hiểu kinh nghiệm lý luận cũng như thực tiễn về quan điểm phát triển dân tộc, chính sách dân tộc của mỗi quốc gia trong khu vực, nhất là các nước láng giềng có chung biên giới, có quan hệ thân tộc, đồng tộc và giao thương trong bối cảnh toàn cầu hóa là cần thiết. Dựa trên việc tìm hiểu một số chương trình lớn phát triển kinh tế - xã hội được thực thi tại các khu tự trị, vùng biên cương của Trung Quốc qua 30 năm cải cách mở cửa, nhất là 10 năm gần đây liên quan đến chính sách dân tộc, bài viết hàm ý gợi mở kinh nghiệm về xây dựng chính sách dân tộc đối với cấp vùng và liên vùng của nước ta thời gian tới.

Từ khóa: Chính sách dân tộc, kinh tế - xã hội, kinh nghiệm, Trung Quốc.

Ngày nhận bài: 30/1/2019; ngày gửi phản biện: 25/2/2019; ngày duyệt đăng: 3/4/2019

Mở đầu

Trung Quốc là một nước lớn, dân số đông, đa tộc người. Do đó, chính sách dân tộc (CSDT) trở thành vấn đề cơ bản của công cuộc cách mạng và xây dựng Trung Quốc. Bài viết này giới hạn ở việc nhìn nhận kinh nghiệm phát triển kinh tế - xã hội tại các khu vực tự trị và vùng biên cương trong thực thi chính sách dân tộc của Trung Quốc được phản ánh từ Đại hội XVIII đến Đại hội XIX của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Việc tìm hiểu về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và thực thi CSDT của Trung Quốc thời xây dựng đất nước Trung Hoa (được gọi là thời hiện đại) rất thiết thực đối với nước ta. Bởi Việt Nam là một trong 14 nước có biên giới với Trung Quốc, các dân tộc thiểu số hai nước lại có quan hệ thân tộc, đồng tộc xuyên biên giới và giao thương lâu đời. Vì vậy, mỗi chính sách của các khu tự trị, vùng biên giới của Trung Quốc đều ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới và CSDT nước ta. Đặc biệt, qua tìm hiểu này còn để lại những kinh nghiệm quý giá cho việc xây dựng và thực hiện CSDT của Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia vùng biên giới phía Bắc.

¹ Bài viết là một phần kết quả của đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 “Một số vấn đề cơ bản, cấp bách trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực Tây Duyên hải miền Trung”; Mã số: CTDT.36.18/16-20, do Viện Dân tộc học thực hiện, PGS. TS. Bùi Văn Đạo làm Chủ nhiệm.

1. Đặc điểm phân bố dân cư, dân tộc

i) Các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc sống trên gần 60% lãnh thổ đất nước, chủ yếu là vùng cao, vùng biên cương, những nơi điều kiện đi lại khó khăn. Tuy không lớn về số lượng, song dân tộc thiểu số phân bố khắp địa bàn miền Tây, Tây Nam, Tây Bắc và Đông Bắc thuộc các tỉnh và khu tự trị (Nội Mông, Tây Tạng, Tân Cương, Quảng Tây, Ninh Hạ, Vân Nam, Quý Châu, Cam Túc, Tứ Xuyên, Thanh Hải, Cát Lâm, Hồ Nam, Hồ Bắc, Phúc Kiến, Quảng Đông, Liêu Ninh, Hải Nam). Theo số liệu thống kê năm 2000, dân số của 55 dân tộc thiểu số ở Trung Quốc là 106.430.000 người, chiếm 8,41%. Trong đó, 6 dân tộc có dân số dưới 1 vạn người, gồm: Cao Sơn, Tác Ta, Độc Long, Hách Triết, Ô Luân Xuân, Lạc Ba (Bảng 1).

Bảng 1: Các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc, chia theo dân số

Đơn vị tính: Tỷ lệ % dân số tộc người so với tổng dân số quốc gia

STT	Dân tộc	Dân số (người)	Tỷ lệ %	STT	Dân tộc	Dân số (người)	Tỷ lệ %
1	Choang	16.926.381	1,2700	29	Mô Lao	216.257	0,0162
2	Hồi	10.586.087	0,7943	30	Tích Bá	190.481	0,014
3	Mãn Châu	10.387.958	0,7794	31	Khan Khor Di (Kyrgyz)	186.708	0,0140
4	Duy Ngô Nhĩ	10.069.346	0,7555	32	Cảnh Pha	147.828	0,0111
5	Miêu	9.426.007	0,7072	33	Ta Ua	131.992	0,0099
6	Di	8.714.393	0,6538	34	Táp Lạp	130.607	0,0098
7	Thổ Gia	8.353.912	0,6268	35	Bố Lãng	119.639	0,090
8	Tạng	6.282.187	0,4713	36	Mao Nam	101192	0,076
9	Mông Cổ	5.981.840	0,4488	37	Tajikistan	51.069	0,038
10	Đông	2.879.974	0,2161	38	Phổ Mễ	42.861	0,032
11	Bố Y	2.870.034	0,2153	39	A Xương	39.555	0,030
12	Dao	2.796.003	0,2098	40	Nộ	37.523	0,028
13	Bạch	1933510	0,1451	41	Ơ Ôn Khắc	30.875	0,023
14	Triều Tiên	1.830.929	0,1374	42	Kinh (Việt)	28.199	0,021
15	Hà Nhì	1.660.932	0,1246	43	Cơ Nặc	23.143	0,017
16	Lê	1.463.064	0,1098	44	Đức Ngưỡng	20.556	0,015

17	Ka Dắc Tan	1.462.588	0,1097	45	Bảo An	20.074	0,015
18	Thái	1.261.311	0,0946	46	Nga	15.393	0,012
19	Xa	708.651	0,0532	47	Uy Cu (Yugurs)	14.378	0,011
20	Lật Túc	702.839	0,0527	48	Uzơ bécch	10.569	0,008
21	Đông Hương	621.500	0,0466	49	Môn Ba	10.561	0,008
22	Ngật Lão	550.746	0,0413	50	Ô Luân Xuân (Oroqen)	8.659	0,006
23	La Hủ	485.966	0,0365	51	Độc Long	6.930	0,005
24	Ngõa	429.709	0,0322	52	Hách Triết	5.354	0,004
25	Thủy	411.847	0,0309	53	Cao Sơn	4.009	0,003
26	Na Xi	326.295	0,0245	54	Lô Pa	3.682	0,003
27	Khương	309.576	0,0232	55	Tắc Ta	3.556	0,003
28	Thổ	289.565	0,0217				

Nguồn: <http://www.phbang.cn/general/144958.html>

ii) Các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc chủ yếu cư trú xen cài nhau, nên ngay tại một số khu tự trị dành cho dân tộc thiểu số vẫn có số đông người Hán sinh sống. Theo các nhà nghiên cứu Trung Quốc, trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc ở Trung Quốc (trong lịch sử và hiện nay) là không đồng đều. Một số dân tộc đã đạt đến trình độ phát triển cao, nhưng vẫn còn có dân tộc sống ở các vùng thảo nguyên Tây Bắc, Tây Nam, sa mạc, biên cương hẻo lánh, điều kiện giao thông trắc trở, ít đất canh tác, nên trình độ phát triển kinh tế thấp, đời sống khó khăn. Dân số các dân tộc thiểu số của Trung Quốc ở các tỉnh và khu tự trị sinh sống ở vùng biên cương chiếm đến 50% tổng số dân các dân tộc thiểu số trong cả nước (Thống kê năm 2010). Tại 135 huyện biên giới của Trung Quốc, trong đó có 107 huyện thuộc địa phương tự trị dân tộc, dân tộc thiểu số chiếm 48% dân số trong số 21 triệu dân số của vùng biên giới (Đặng Thành Đạt, 2007, tr. 137). Hầu hết các dân tộc thiểu số này tại vùng biên còn trong tình trạng nghèo nàn, chưa phát triển so với các dân tộc ở khu vực nội địa. Vì vậy, trên cơ sở nhận diện về thực tế tình hình phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội các dân tộc, việc khắc phục tình trạng phát triển không đồng đều giữa các dân tộc là nội dung quan trọng của công tác dân tộc và thực thi CSDT của Trung Quốc trong thời kỳ hiện đại.

2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và thực thi chính sách dân tộc ở vùng dân tộc thiểu số

i) Nội dung chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số của Trung Quốc thời hiện đại được Đảng và Chính phủ Trung Quốc xác định là: phát triển theo cơ chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, thực hiện cải cách mở cửa biên giới, làm thay đổi đời sống kinh tế, văn hóa các dân tộc thiểu số. Trong đó, phát triển kinh tế luôn là nhiệm vụ hàng đầu, bên cạnh việc phát triển văn hóa kết hợp với mở mang du lịch.

Việc thúc đẩy cải cách mở cửa và phát triển kinh tế cho các dân tộc thiểu số bắt đầu từ năm 1992, đến năm 1994 bố cục mở cửa toàn diện vùng dân tộc thiểu số đã hình thành. Tuy nhiên, sau 5 năm thực hiện chủ trương này tại địa bàn của những dân tộc dưới 1 vạn người như Tác Ta, Hách Triết, Lạc Ba, Ô Luân Xuân, Cao Sơn, Độc Long... tình hình phát triển thương mại vẫn còn ở mức rất thấp kém. Vì vậy, Chính phủ Trung Quốc yêu cầu chính quyền các tỉnh giảm thuế một số đồ dùng đặc thù, cấp thiết cho người dân thuộc diện dân số rất ít người. Chính phủ Trung ương chịu bù lỗ cước cho các mặt hàng hạn giá cao về công nghiệp, hạn giá tối thiểu đối với mặt hàng nông lâm sản. Những sản phẩm nông - lâm sản, thủ công và chăn nuôi của các dân tộc này vì thế đã bước đầu được mang ra trao đổi trên thị trường để tăng nguồn thu nhập cho gia đình (Đặng Thành Đạt, 2007).

Theo đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu, việc thực hiện công tác dân tộc tại Vân Nam (2012), đặc biệt là sự hỗ trợ phát triển các dân tộc thiểu số đã dựa trên tình hình cụ thể để áp dụng, không cào bằng. Tuy vậy, đối với một vài dân tộc rất ít người ở vùng biên cương hẻo lánh vẫn theo tập quán cũ và lực lượng sản xuất còn thấp, nên sản phẩm rất ít được mang ra trao đổi do nông - lâm sản làm ra còn ít, chỉ đủ nhu cầu tiêu dùng, nhất là sản phẩm chăn nuôi (Trần Văn Hà, 2017).

Giai đoạn này Chính phủ Trung Quốc thực thi hai chính sách đồng thời: *vừa bao cấp vừa thị trường*. Bao cấp cho các dân tộc thiểu số ở vùng hẻo lánh, khó khăn và biên cương trong đầu tư cơ sở hạ tầng, trợ cước lương thực và nhu yếu phẩm thiết yếu. Thực hiện cơ chế thị trường đối với vùng thấp và vùng trung bình, nơi đồng bào các dân tộc thiểu số có điều kiện phát triển hơn so với những vùng trên. Nhà nước cho vay vốn thực hiện những dự án chăn nuôi, chuyển đổi cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa. Các công ty thương mại hoạt động ở vùng dân tộc thiểu số được vay vốn với lãi suất thấp và được giảm thuế. Cấp xã được toàn quyền xây dựng, triển khai và điều hành kế hoạch liên quan đến phát triển cơ sở hạ tầng của địa phương. Cấp thôn bản nơi phân bố hộ dân rải rác, không tập trung do điều kiện địa hình phức tạp thì được quyền tự chủ như cấp xã. Đặc biệt đối với vùng Tây Tạng, Chính phủ tập trung sắp xếp 62 công trình chi viện cho địa phương, cùng với chính sách ưu đãi mật dịch dân tộc và sản xuất đồ dùng dân tộc thiểu số, như lãi suất ưu đãi, miễn thuế (Trương Hữu Tuấn chủ biên, 1992, tr. 43).

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số sau 20 năm cải cách mở cửa đất nước, một chương trình mang tính chiến lược rất quan trọng của Ủy ban Dân tộc Trung ương Trung Quốc được thực thi năm 1998 là “Hưng biên phú dân” với mục tiêu xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế các huyện biên giới, nâng cao đời sống và sinh hoạt của người dân còn đang ở mức thấp kém. Đến Kế hoạch 5 năm lần thứ XI (2006 - 2010), Trung Quốc đã kết hợp yếu tố dân tộc với yếu tố biên cương, tăng cường năng lực tự phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc, thúc đẩy chính sách phù hợp với vùng biên giới và công tác dân tộc. Kết quả sau 6 năm thực hiện là: hạ tầng cơ sở được tăng cường với hàng vạn dự án; giải quyết được các vấn đề khó khăn cho nhân dân vùng biên, đẩy nhanh tiến trình sản xuất hóa nông nghiệp; tăng thu nhập cho nông dân và hộ gia đình chăn nuôi; thúc đẩy nhanh hơn tốc độ phát triển của những dân tộc có dân số ít, góp phần tăng cường cố kết các dân tộc ở Trung Quốc. Mặc dù đã đạt được những thành quả nhất định, song chương trình “Hưng biên phú dân” còn nhiều hạn chế do trình độ dân trí thấp, phong tục tập quán và đội ngũ cán bộ vùng biên giới còn chưa đáp ứng yêu cầu triển khai (Trần Văn Hà, 2017).

Qua hơn 20 năm thực hiện cải cách và phát triển kinh tế ở vùng dân tộc, đến đầu năm 2000, tổng giá trị sản xuất trong nước thuộc vùng dân tộc thiểu số tăng từ 32,4 tỷ lên 757 tỷ nhân dân tệ (bình quân 10,5%/năm). Vùng dân tộc thiểu số của Trung Quốc đã dần hình thành các cơ sở sản xuất khoáng sản, năng lượng, nguyên vật liệu, nông nghiệp và chăn nuôi (Đặng Thành Đạt, 2007, tr. 100).

ii) Phát triển văn hóa, giáo dục và ưu tiên bồi dưỡng đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số đã làm thay đổi một bước bộ mặt vùng dân tộc thiểu số ở Trung Quốc những thập niên đầu của cuộc cải cách mở cửa. Thực tế này vẫn duy trì ở giai đoạn từ năm 2000 đến nay. Việc tăng cường phát triển sự nghiệp xã hội ở nông thôn đồng bào các dân tộc thiểu số được xác định dựa trên cơ sở tăng nhanh phát triển giáo dục (phổ cập và củng cố giáo dục nghĩa vụ 9 năm ở nông thôn).

Hệ thống giáo dục đào tạo từ các bậc tiểu học, trung học, dân tộc nội trú, dự bị đại học đến bậc Học viện Dân tộc và trường đại học đều được chính phủ Trung Quốc đầu tư cơ sở vật chất, giáo viên, chế độ chính sách và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ rõ ràng. Trong chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc, CSĐT Trung Quốc xác định Học viện Dân tộc là nơi đào tạo cán bộ chính trị và chuyên môn để phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở vùng dân tộc thiểu số. Theo quy định của Ủy ban Dân tộc Trung ương, Học viện phải tuyển 65% con em dân tộc thiểu số trong các kỳ chiêu sinh. Bên cạnh đó, từ năm 1993, các tỉnh đã có biện pháp thực hiện cụ thể và quy hoạch đào tạo cán bộ theo sát với tình hình cải cách mở cửa, phát triển kinh tế thị trường XHCN (Trần Văn Hà, 2017).

Vấn đề thực hiện luân chuyển cán bộ đến các vùng hoặc địa phương khác nhau cũng được áp dụng như một quy định bắt buộc đối với quản lý cán bộ trong công tác dân tộc của Trung Quốc. Mỗi nhiệm kỳ công tác tại chính quyền địa phương, số cán bộ chuyên môn

hoặc quản lý được luân chuyển và bố trí theo nguyên tắc từ tỉnh, thành, ban ngành về công tác tại xã, huyện, châu; một số cán bộ ở cấp châu, huyện được đào tạo lại sẽ điều về các cấp trên tùy theo năng lực và diện đào tạo cán bộ nguồn, cốt cán lâu dài tại địa phương cơ sở.

Việc thực hiện chính sách văn hóa dân tộc thiểu số ở Trung Quốc những năm gần đây được coi là một bộ phận quan trọng của văn hóa Trung Hoa hiện đại. Chính sách văn hóa dân tộc thiểu số là bộ phận chủ yếu trong chính sách dân tộc thiểu số của Trung Quốc, được ưu tiên phát triển toàn diện trên các mặt: trợ cấp xuất bản, áp dụng các biện pháp đặc thù với phương châm: tôn trọng và bảo tồn, ủng hộ kế thừa, phát triển, sáng tạo mới văn hóa ưu tú, khuyến khích giao lưu nhằm tôn vinh văn hóa các dân tộc thiểu số.

Những hoạt động phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số được Chính phủ tăng cường đầu tư, cung cấp các trang thiết bị cần thiết, thực hiện đào tạo nhân tài văn nghệ, bảo tồn di sản văn hóa dân tộc thiểu số, tích cực phổ cập mạng internet và phủ sóng truyền hình, truyền thanh tại nhiều vùng, kể cả vùng xa xôi. Một số vùng hẻo lánh được chú ý xây dựng hạ tầng văn hóa cơ sở như: các điểm sinh hoạt văn hóa, sân vận động thực hiện hội diễn, giao lưu văn hóa dân tộc,... Với việc thực hiện Chương trình xây dựng hành lang văn hóa biên cương vạn lý, kết hợp giữa vốn ngân sách nhà nước và xã hội hóa (Nhà nước là 5,09 tỷ Nhân dân tệ (NDT); vốn xã hội hóa là 1,28 tỷ NDT), chỉ trong thời gian ngắn nhiều thiết bị văn hóa công cộng (loa, đài, máy chiếu...) đã được mua sắm, đưa vào sử dụng ở các thôn/làng, làm cho sinh hoạt văn hóa của nhân dân các dân tộc phong phú hơn.

Việc phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch văn hóa các dân tộc là nội dung quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, đang thu hút đông du khách trong và ngoài nước đến với các thôn/làng vùng dân tộc thiểu số, kể cả vùng biên cương. Các làng dân tộc thiểu số ngoài quy hoạch dân cư, giao thông, điểm văn hóa, trường học, trạm y tế, nghĩa địa, địa bàn sản xuất... còn có nhà truyền thống hoặc bảo tàng của dân tộc đó (nếu là làng được cấp bằng di tích lịch sử cấp tỉnh trở lên thì được huyện, tỉnh đầu tư thiết kế mô hình). Rất nhiều làng dân tộc thiểu số được xây dựng mô hình bảo tồn văn hóa. Chẳng hạn như tỉnh Vân Nam đã đầu tư xây dựng Làng các dân tộc Vân Nam ở vùng ngoại ô phía tây nam thành phố Côn Minh, tức phía bắc Hồ Điền Trì, với tổng diện tích là 89 ha. Bảo tàng các dân tộc của Khu tự trị Quảng Tây cũng là hình thức thể hiện tôn vinh văn hóa dân tộc thiểu số nằm trong quần thể chung với các cơ sở nghiên cứu của Trường Đại học dân tộc Quảng Tây,... Tuy nhiên, tại Vân Nam và Quảng Tây, tình trạng lợi dụng việc cấp bằng di tích lịch sử văn hóa để thực hiện những hoạt động thương mại ít gắn với bảo tồn đang là vấn đề đặt ra cho cơ quan quản lý văn hóa và chính quyền các cấp, ảnh hưởng đến chính sách tôn vinh văn hóa dân tộc thiểu số, cần được cơ quan chức năng và chính quyền có những giải pháp điều chỉnh.

Trong bối cảnh kinh tế thị trường và hiện đại hóa xã hội Trung Quốc hiện nay, văn hóa của các dân tộc ở Trung Quốc đang gặp phải những vấn đề không dễ giải quyết. Đó là bảo tồn bản sắc văn hóa cổ truyền của các dân tộc thiểu số trong phát triển. Việc xây dựng nhà

máy thủy điện trên sông Nộ Giang có công suất lớn hơn đập thủy điện Tam Hiệp, đập Tiểu Loan đang gặp phải sự phản đối quyết liệt của không chỉ của các tổ chức phi chính phủ trong nước (CNGOs) mà cả nhiều tổ chức quốc tế (INGOs) bởi tác động tiêu cực mà những đập thủy điện lớn của quốc gia vùng thượng nguồn sông Mê Kông (Trung Quốc gọi là Lan Thương) gây ra. Nó không chỉ là mối đe dọa những di sản thiên nhiên thế giới mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, nguồn thủy sản, giao thương và sinh kế của các dân tộc thiểu số Trung Quốc cũng như những quốc gia Tiểu vùng Mê Kông.

3. Chiến lược “một vành đai, một con đường” và vấn đề phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số

“Vành đai” dùng để chỉ con đường tơ lụa thế kỷ XXI kết nối Trung Quốc với Trung Á và châu Âu. Trung Quốc hy vọng xây dựng một con đường cao tốc từ Tân Cương đến Kyrgystan, Uzbekistan, Tadjikistan, Turmenistan, Iran, Thổ Nhĩ Kỳ cùng một con đường khác nối liền Trung Quốc với Kazakhstan, Nga và Châu Âu. Hai công trình này tạo điều kiện để các tỉnh vùng nội địa của Trung Quốc tiếp xúc với bên ngoài, thu hẹp sự phát triển mất cân đối giữa các vùng ven biển phía đông và vùng sâu, vùng xa thuộc các khu tự trị dân tộc thiểu số phía tây; thúc đẩy kinh tế của những vùng nghèo khó như Tân Cương. Từ đó hạn chế tình trạng bất ổn, bạo lực, khủng bố và ly khai đối với các nhóm Hồi giáo cực đoan ở Tân Cương và Tây Tạng. Việc đầu tư vào những quốc gia Trung Á có thể mang lại một khu vực láng giềng ổn định cho các tỉnh phía tây Trung Quốc vốn bất ổn thường xuyên diễn ra.

Trong khi “con đường” là nói đến con đường tơ lụa mới trên biển đến châu Phi thông qua Indonesia và các quốc gia ven Ấn Độ Dương. “Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI” gồm những dự án quanh khu vực biển Đông có thể giúp Trung Quốc củng cố các yêu sách chủ quyền “đường lưỡi bò” của mình ở khu vực này. Vì vậy, ông Tập Cận Bình khi thăm Khu tự trị dân tộc Choang (4/2017) đã nhấn mạnh đến vai trò, chức năng rất quan trọng của địa phương này đối với chiến lược “một vành đai, một con đường”. Để thực hiện kết nối Trung Quốc với ASEAN, theo ông Tập, Quảng Tây phải là cầu nối, trong đó huyện Hợp Phố là cửa ngõ của con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI.

Trong bối cảnh hiện nay, ông Tập Cận Bình còn nhấn mạnh rằng, nghiên cứu dân tộc thiểu số và công tác dân tộc ở Trung Quốc không chỉ là vùng núi, biên cương mà cả ở đô thị, do làn sóng di cư từ nông thôn, miền núi ra thành phố của lực lượng lớn các thanh niên là người dân tộc thiểu số để tìm kiếm việc làm (Trần Văn Hà, 2018). Song, để nhận được nguồn lực của Chính phủ và vào danh sách “một vành đai, một con đường”, các tỉnh của Trung Quốc cũng phải cạnh tranh nhau trong việc đề xuất sáng kiến, hoạch định chiến lược phát triển của mình sao cho khớp với chiến lược của Trung ương. Các tỉnh thành này không chỉ cạnh tranh với nhau để tăng cường thương mại mà còn phải đảm bảo rằng chiến lược vành đai và con đường sẽ thúc đẩy cải cách liên quan của mình (Dẫn theo Phạm Sỹ Thành, 2017, tr. 62).

4. Xung đột dân tộc ở Tân Cương và thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, thực thi chính sách dân tộc vùng dân tộc thiểu số phía Tây

Tân Cương nằm ở phía tây Trung Quốc, chiếm 1/6 lãnh thổ vốn là một phần của con đường tơ lụa thời cổ đại, cầu nối giữa Trung Quốc với Trung Á và Trung Đông. Ngày nay có hơn 8 triệu người Duy Ngô Nhĩ trên tổng số hơn 10 triệu của tộc người này ở Trung Quốc cư trú tại đây.

Do Tân Cương có một vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng trong tiến trình phát triển quốc gia, nên Chính phủ Trung Quốc coi phát triển nơi đây là nền tảng cho chiến lược khai phá miền Tây, đồng thời là giải pháp đối với mọi vấn đề ở khu vực. Vào cuối tháng 3/2010, lãnh đạo của 19 tỉnh, thành phố giàu có được triệu tập đến Bắc Kinh để tham dự một hội nghị cung cấp hỗ trợ cho sự phát triển của Tân Cương theo mô hình “hỗ trợ kép” bằng cách cung cấp nguồn nhân lực, công nghệ, quản lý và tài chính. Thế nhưng, xung đột dân tộc là một trong những hệ quả của tăng trưởng kinh tế không đồng đều. Hiện đại hóa kinh tế đã tạo ra làn sóng di dân của người Duy Ngô Nhĩ từ nông thôn vào thành phố. Trường hợp nhiều người nổi loạn ở thủ phủ Urumqi chủ yếu là thanh thiếu niên đến từ các vùng nông thôn ở phía nam Tân Cương di chuyển ra thành phố do kỳ vọng của họ không được như mong đợi ban đầu.

Từ khi lên nắm quyền, ông Tập Cận Bình và giới lãnh đạo đã đến thăm Tân Cương nhiều hơn bất kỳ một khu vực tiên tiêu nào khác. Chủ tịch Tập Cận Bình còn chủ trì 7 cuộc thảo luận cấp cao, ban hành hơn 30 sắc lệnh về Tân Cương kể từ Đại hội XVIII (10/2012). Thống kê cho biết, chỉ riêng năm 2013 đã xảy ra 248 vụ “bạo lực và khủng bố” tại vùng cực tây này, gồm cả vụ ở Thiên An Môn (10/2013), chủ yếu là do người Duy Ngô Nhĩ tấn công các cơ quan công quyền và cộng đồng người Hán. Năm 2014, vụ tấn công tại Côn Minh (Vân Nam) làm 29 người chết và 140 người bị thương được coi là thảm họa “11/9 của Trung Quốc”. Vì thế, trong chuyến thăm Tân Cương tháng 4/2014, ông Tập Cận Bình tuyên bố: “Cuộc chiến chống lại bạo lực và khủng bố không thể xao lãng dù một phút một giây nào và phải có các hành động quyết liệt để kiên quyết trấn áp cơ hội của bọn khủng bố”. Ông khuyến khích học nói cả hai ngôn ngữ Duy Ngô Nhĩ và tiếng phổ thông, đồng thời khuyến khích giáo viên người Hán phải học tiếng Duy Ngô Nhĩ để giao tiếp tốt hơn với các sinh viên của họ (<http://baodatviet.vn/doi-song/gia-dinh/an-so-tan-cuong>).

Dù vậy, cho đến nay xung đột dân tộc ở Tân Cương và ly khai tại Tây Tạng vẫn chưa được giải quyết ổn thỏa. Không chỉ “Phong trào Hồi giáo Đông Turkestan (ETIM) là thách thức với ổn định xã hội, phát triển kinh tế và an ninh quốc gia”, mà còn vấn đề thực thi chính sách dân tộc, thực hiện quyền bình đẳng, đoàn kết và mối quan hệ dân tộc ở Tân Cương, Tây Tạng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa hiện nay.

Kết luận

Trong bối cảnh hiện tại, trọng tâm CSĐT ở Trung Quốc là ưu tiên gắn phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và phát triển biên cương với các nước láng giềng thông qua đầu tư trọng điểm vào các dự án lớn mang tính chất an ninh khu vực (Tân Cương và phía tây gắn với các nước Tây Á), lợi ích toàn cầu (vành đai, con đường). Bên cạnh đó, thực hiện tôn vinh văn hóa dân tộc gắn với phát huy sức mạnh mềm và khai thác du lịch trong cơ chế thị trường. Trên đại cục, Trung Quốc không đề cập đến vấn đề xác định thành phần dân tộc nữa mà chủ trương ngày càng nâng cao tính pháp chế trong công tác và chính sách dân tộc thiểu số. Kiên trì thực hiện Luật Tự trị khu vực dân tộc trong thời kỳ mới, có bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với bối cảnh kinh tế thị trường. Giữ vững nguyên tắc cơ bản của CSĐT là: *đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau, xúc tiến các dân tộc cùng phồn vinh phát triển* (Đại hội XVIII).

Thực hiện mục tiêu Đại hội XIX được Chủ tịch Tập Cận Bình khẳng định: Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ đoàn kết mọi dân tộc tại Trung Quốc, dẫn dắt họ giành thắng lợi trong xây dựng xã hội hiện đại, thịnh vượng về mọi mặt, đảm bảo xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc thành công. CSĐT của Trung Quốc tập trung đầu tư vào công tác giáo dục, đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số. Coi công tác này là then chốt để thực hiện quyền bình đẳng, tự trị dân tộc, cùng phồn vinh dân tộc. Thu hút đào tạo cán bộ dân tộc từ nguồn trường học và cán bộ trưởng thành từ công tác hoạt động thực tế vùng dân tộc thiểu số.

Thực thi CSĐT thời hiện đại gắn với phát triển vùng biên giới, Trung Quốc đã áp dụng cơ chế đặc thù, linh hoạt và tính nhân văn đối với các tỉnh có nhiều dân tộc thiểu số và các khu tự trị, châu, huyện tự trị là đối tượng của chính sách: phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, bảo tồn và giao lưu văn hóa, đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số. Đặc biệt, trong CSĐT của Trung Quốc có sự ưu tiên toàn diện đối với các dân tộc thiểu số có dân số ít, khó khăn vùng biên cương. Trung Quốc coi công cuộc đại khai phá miền Tây là nhiệm vụ chiến lược góp phần thực hiện đoàn kết dân tộc, ổn định vùng biên giới và phát triển đất nước Trung Hoa thời kỳ hiện đại.

Tác động của toàn cầu hóa, tôn giáo gắn với nhóm dân tộc có quan hệ xuyên biên giới như Khu tự trị Tân Cương, tư tưởng ly khai ở Tây Tạng, di dân tìm kiếm việc làm... đang đặt ra những giải pháp thực thi CSĐT một cách thực chất hơn trên phương diện đoàn kết, bình đẳng để phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc đặc thù của Trung Quốc. Cách thức giải quyết vấn đề nóng liên quan đến xung đột và quan hệ tộc người Duy Ngô Nhĩ gắn với tôn giáo ở Khu tự trị Tân Cương, ly khai ở Tây Tạng thực tiễn nhiều năm qua cho thấy, không thể coi biện pháp hành chính hay quân sự là duy nhất và tối ưu trong thời hiện đại.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Thành Đạt (2007), *Nghiên cứu so sánh chính sách dân tộc của Trung Quốc và Việt Nam thời hiện đại*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, chuyên ngành Dân tộc học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Trần Văn Hà (2009), *Báo cáo về trao đổi khoa học với Đại học Vân Nam, Trung Quốc của đoàn cán bộ Viện Dân tộc học*, tháng 5/2009.
3. Trần Văn Hà (2017), *Báo cáo về trao đổi khoa học tại Viện nghiên cứu Đông Nam Á và Viện Nghiên cứu Dân tộc học & Xã hội học, Đại học Dân tộc Quảng Tây, Trung Quốc của đoàn cán bộ Viện Dân tộc học và CIEM*, tháng 4/2017.
4. Trần Văn Hà (2017), “Những quan điểm cốt lõi và vấn đề ưu tiên trong chính sách dân tộc thiểu số của Trung Quốc từ sau cải cách mở cửa đến nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 39-46.
5. Hoàng Quang Học (Chủ biên, 1995), *Trung Quốc đích dân tộc*, Dân tộc xuất bản xã (Tiếng Trung).
6. <http://baodatviet.vn/doi-song/gia-dinh/an-so-tan-cuong-3044747/>Thứ Ba, đăng ngày 01/07/2014.
7. <http://www.phbang.cn/general/144958.html>.
8. *Niên giám công tác dân tộc Trung Quốc* (2002), Nxb. Dân tộc (Tiếng Trung).
9. Nạp Kỳ (2007), “Nhìn nhận đúng đắn hiện tượng lịch sử kháng chiến của người Hồi”, trong: *Những công trình nghiên cứu dân tộc học ở Vân Nam*, Viện Văn hoá Thông tin - Tạp chí Văn hóa nghệ thuật.
10. Phạm Sỹ Thành (2017), *Một vành đai một con đường (OBOR) chiến lược của Trung Quốc và hàm ý chính sách đối với Việt Nam*, Chương trình nghiên cứu kinh tế Trung Quốc- VEPR (Sách tham khảo), Nxb. Thế giới, Hà Nội.